

Số: **122**/2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **22** tháng **12** năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BXD ngày 24/11/2006 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TT-BXD-BNV ngày 16/12/2008 của liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3182/TTtr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 170/2006/QĐ-UBND ngày 20/9/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (cũ), của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (áp dụng đối với huyện Mê Linh), của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (áp dụng đối với các xã Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung) liên quan đến quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, giám đốc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công thương, GTVT, NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Các báo: Hà Nội mới, Kinh tế và Đô thị;
- Trung tâm Công báo, Cổng Giao tiếp điện tử thành phố Hà Nội;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT. (130b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Rhí Thái Bình

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

(ban hành kèm theo Quyết định số: *122* /2009/QĐ-UBND ngày *22/12* 2009
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến chất lượng công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các nhà thầu, tổ chức và cá nhân có liên quan trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo hành, bảo trì, quản lý và sử dụng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia, công trình quốc phòng, công trình chiến đấu áp dụng theo quy định riêng.

Chương II TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;
2. Phổ biến, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn

thành phố thực hiện nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và của thành phố Hà Nội về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

3. Tổ chức hướng dẫn và kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo các qui định của pháp luật; Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng;

4. Thực hiện việc kiểm tra hồ sơ nghiệm thu (nghiệm thu giai đoạn xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng) đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản theo mẫu tại phụ lục 01 của Quy định này;

5. Phối hợp với các sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi kiểm tra công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

6. Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình về nghiệp vụ giải quyết sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo Bộ Xây dựng về sự cố công trình xây dựng;

7. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đối với các hoạt động kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

8. Hướng dẫn thực hiện việc kiểm định chất lượng xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố; Tổ chức thực hiện việc giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; Tham gia hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu;

9. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ, đột xuất về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn để báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ 6 tháng, 1 năm.

**Điều 4. Trách nhiệm của các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:
Sở Giao thông vận tải; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn: Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đối với công trình xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đối với công trình xây dựng: đê điều, thủy lợi, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; Sở Công Thương chịu trách nhiệm đối với công trình xây dựng: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại (đường dây tải điện, trạm cấp, chuyển tải, biến áp, nhà máy phát điện, nhà máy sản xuất công nghiệp, các công trình xăng dầu, khí đốt, các khu công nghiệp, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại);

2. Thực hiện các công việc nêu tại các khoản 1, 3, 7 tại Điều 3 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

3. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các công việc nêu tại các khoản 3, 5, 8 Điều 3 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

4. Thực hiện việc kiểm tra hồ sơ nghiệm thu (nghiệm thu giai đoạn xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng) đối với các công trình xây dựng chuyên ngành sử dụng vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản theo mẫu tại phụ lục 01 của Quy định này;

5. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Xây dựng;

6. Tổ chức bộ phận chuyên trách để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Tổ chức thực hiện các Quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc sở, ngành; tổ chức bộ phận theo dõi, hướng dẫn, và tổng hợp công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng;

2. Phối hợp với Sở Xây dựng và sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra chất lượng công trình, dự án đầu tư xây dựng thuộc sở, ngành mình;

3. Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng thuộc sở, ngành quản lý, gửi Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành);

4. Chỉ đạo đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo qui định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân Thành phố;

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách khi các công trình (hạng mục công trình) đã được thi công và nghiệm thu theo các qui định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư phải có biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng kiểm tra và xác nhận chủ đầu tư đã tuân thủ các qui định về quản lý chất lượng công trình xây dựng (biên bản kiểm tra theo mẫu tại phụ lục 01 kèm theo Quy định này).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn phụ trách;

2. Phòng Quản lý đô thị (hoặc phòng Công Thương đối với các huyện không có phòng Quản lý đô thị) là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Phòng Quản lý đô thị (hoặc phòng Công Thương) có trách nhiệm:

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

c) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn; phối hợp với Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng khi có yêu cầu;

d) Thực hiện việc kiểm tra hồ sơ nghiệm thu (nghiệm thu giai đoạn xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng) đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản theo mẫu tại phụ lục 01 của Quy định này;

đ) Phối hợp với: Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng trong việc kiểm tra, thống kê tình trạng nhà công sở, nhà ở và các chung cư xuống cấp trên địa bàn; Đề xuất biện pháp giải quyết đối với những công trình không đảm bảo an toàn cho người sử dụng; Kiểm tra công tác bảo trì công trình xây dựng, nhà ở và công sở trên địa bàn;

e) Hướng dẫn giải quyết và lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng; Đề xuất hướng giải quyết những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra; Trường hợp cần thiết, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn để tổ chức thực hiện;

f) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

g) Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng thuộc quận, huyện quản lý (theo mẫu của Bộ Xây dựng) về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn;

2. Tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý;

3. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; phân công cán bộ theo dõi và tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biên báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, rác thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường;

4. Lập danh mục, theo dõi các công trình dự án khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phụ lục 03 kèm theo Quy định này); định kỳ 3 tháng /1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng Quản lý đô thị (hoặc phòng Công Thương) để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra;

5. Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị (hoặc phòng Công Thương) lập danh mục công trình xảy ra sự cố trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trực tiếp lập Hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của dân thuộc phạm vi địa bàn; Theo dõi chất lượng sử dụng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, thông tin và truyền thông trên địa bàn. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ của dân hoặc các công trình lân cận công trình đang xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố sụp đổ, phải có biện pháp tổ chức di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm đồng thời báo cáo, đề xuất hướng xử lý với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 9. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý toàn diện chất lượng công trình xây dựng được quy định tại các chương III, IV, V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 tại Điều 1 Nghị định số 49/2008/NĐ-CP và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

1. Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và giám sát công tác khảo sát xây dựng; kiểm tra, nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng ;

2. Lập nhiệm vụ thiết kế, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc theo quy định (đối với công trình phải thi tuyển thiết kế kiến trúc) ;

3. Chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán đối với những công trình xây dựng phải lập dự án theo quy định của pháp luật; ký, đóng dấu xác nhận tính pháp lý của sản phẩm thiết kế ;

4. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực tự thực hiện các công việc trong khoản 1, 2, 3 Điều này thì phải triển khai thực hiện theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành ;

5. Đối với công trình duy tu, sửa chữa hoặc xây dựng mới có quy mô nhỏ, đơn giản có vốn đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì chủ đầu tư tự tổ chức kiểm tra hồ sơ nghiệm thu và ký biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu, theo mẫu tại phụ lục 01 của Quy định này;

6. Kiểm tra và thực hiện đầy đủ các điều kiện trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng; có trách nhiệm thông báo khởi công công trình với Ủy ban nhân dân xã nơi xây dựng công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố ;

7. Khi có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng theo quy định, chủ đầu tư tự tổ chức giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 21 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP: Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng; Kiểm tra giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị công trình do nhà thầu thi công xây dựng công trình cung cấp theo yêu cầu của thiết kế; Kiểm tra, giám sát thường xuyên trong quá trình thi công xây dựng công trình. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng theo quy định thì chủ đầu tư giao cho tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện (nếu đủ điều kiện năng lực theo quy định) hoặc thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng ;

8. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công xây lắp lập sổ nhật ký thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư, giám sát tác giả thiết kế, nhà thầu thi công xây lắp phải ghi vào sổ nhật ký theo các nội dung quy định tại Nghị định 209/2004/NĐ-CP và các Thông tư của Bộ Xây dựng có liên quan ;

9. Yêu cầu tổ chức tư vấn thiết kế thực hiện công tác giám sát tác giả theo Điều 22 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ;

10. Tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, các hạng mục công trình và công trình xây dựng theo các Điều 23, 24, 25, 26 tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các khoản 5, 6, 7 Điều 1 tại Nghị định số 49/2008/NĐ-CP. Đối với những công việc xây dựng khó khắc phục khiếm khuyết, khi triển khai các công việc tiếp theo (như thi công phần ngầm, phần khuất, các hạng mục công trình chịu lực quan trọng), chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thiết kế cùng tham gia nghiệm thu ;

11. Thường xuyên kiểm tra và đôn đốc công tác giám sát thi công xây dựng do Ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn quản lý dự án và nhà thầu giám sát thi công xây dựng thực hiện ;

12. Tổ chức bàn giao công trình cho chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình sau khi đã nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thiết kế, nhà sản xuất thiết bị công trình, cung cấp quy trình vận hành, sử dụng, bảo trì công trình, thiết bị để giao cho chủ sở hữu, chủ sử dụng, phục vụ cho công tác vận hành, sử dụng bảo trì công trình, thiết bị;

13. Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng, bao gồm: kiểm tra tình trạng công trình, phát hiện tình trạng hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình kịp thời sửa chữa, thay thế; giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình; xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình ;

14. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ;

15. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng theo Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/09/2008 của Bộ Xây dựng và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố ;

16. Mua bảo hiểm công trình theo quy định của pháp luật về bảo hiểm ;

17. Lập Báo cáo về tình hình chất lượng công trình theo mẫu của Bộ Xây dựng, gửi Sở Xây dựng để quản lý, theo dõi và kiểm tra.

Điều 10. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng

Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng kết quả khảo sát được quy định tại chương III của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng có liên quan.

1. Chỉ được ký kết hợp đồng thực hiện các công việc khảo sát phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động khảo sát xây dựng công trình ;

2. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính trung thực và chính xác của kết quả khảo sát; phải bồi thường thiệt hại khi:

a) Thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát ;

b) Khảo sát sai thực tế gây phát sinh khối lượng ;

c) Sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng không phù hợp ;

d) Các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi khảo sát gây ra trong niên hạn sử dụng công trình ;

Tuỳ theo mức độ vi phạm, nhà thầu khảo sát xây dựng còn bị xử lý theo quy định của pháp luật;

3. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 11. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng thiết kế được quy định tại chương IV của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm, pháp luật có liên quan.

1. Chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng công trình ;

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về chất lượng thiết kế xây dựng công trình và phải bồi thường thiệt hại khi để ra nhiệm vụ khảo sát hoặc sử dụng thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng và các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi thiết kế gây ra trong niên hạn sử dụng công trình. Tuỳ theo mức độ vi phạm còn bị xử lý theo quy định của pháp luật ;

3. Giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 22 Nghị định 209/2004/NĐ-CP và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng liên quan ;

4. Lập quy trình bảo trì công trình xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình xây dựng và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng liên quan;

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 12. Trách nhiệm của nhà thầu vận giám sát thi công xây dựng công trình

Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng giám sát thi công xây dựng công trình. trách nhiệm của nhà thầu vận giám sát được quy định tại chương V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và khoản 4, 5, 6, 7 Điều 1 của Nghị định 49/2008/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng có liên quan.

1. Chỉ được nhận thầu giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình ;

2. Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết ;

3. Không được thông đồng với nhà thầu thi công xây dựng, với chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hành vi vi phạm khác làm sai lệch kết quả giám sát ;

4. Bồi thường thiệt hại do:

a) Người giám sát làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế;

b) Công việc giám sát không tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng gây ra các hư hỏng, sự cố công trình trong niên hạn sử dụng công trình;

Tùy theo mức độ vi phạm, nhà thầu vận giám sát thi công xây dựng công trình còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận chất lượng

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố ;

2. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình

Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng được quy định tại chương V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và Nghị định 49/2008/NĐ-CP và các văn bản quy phạm, pháp luật có liên quan.

1. Chỉ được nhận thầu thi công xây dựng công trình, cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng ;

2. Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng thi công xây dựng, cung ứng và lắp đặt thiết bị theo các nội dung sau: lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng; Thiết kế biện pháp thi công đảm bảo an toàn, thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường; thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, sản phẩm xây dựng; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành; chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu ;

3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận và do các nhà thầu phụ thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây ra hư hỏng công trình xây dựng, sự cố công trình trong niên hạn sử dụng công trình. Tuỳ theo mức độ vi phạm, còn bị xử lý theo quy định của pháp luật ;

4. Trong thời gian bảo hành, phải tổ chức khắc phục ngay các hư hỏng do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng, cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình ;

5. Mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 15. Trách nhiệm của các Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định tại Chương IV của Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ;

2. Thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, thoả mãn tối thiểu các yêu cầu:

a) Đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận ;

b) Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm được công nhận phải gửi bản sao quyết định công nhận và thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng trước khi tiến hành hoạt động ;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc người quản lý sử dụng công trình

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng được quy định tại chương VI của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng liên quan.

1. Trong thời gian bảo hành, có trách nhiệm xem xét phát hiện hư hỏng, yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị sửa chữa, thay thế. Trường hợp các nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có quyền lấy kinh phí từ tiền bảo hành để thuê nhà thầu khác thực hiện ;

2. Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy trình bảo trì công trình xây dựng. Đối với các công trình xây dựng đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng công trình phải thuê tổ chức tư vấn lập quy trình bảo trì công trình xây dựng. Việc bảo trì công trình phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản, vệ sinh môi trường, cảnh quan, kiến trúc. ;

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan cấp trên của chủ quản lý, chủ sử dụng công trình

1. Hướng dẫn, chỉ đạo, đơn vị quản lý sử dụng công trình tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ;

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý khai thác, sử dụng công trình của chủ quản lý và chủ sử dụng công trình ;

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ quản lý và chủ sử dụng công trình trong việc kiểm tra, thống kê tình trạng chất lượng công trình không đảm bảo an toàn cho người sử dụng; có giải pháp xử lý cụ thể, đồng thời báo cáo với cấp có thẩm quyền theo quy định ;

4. Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình đang sử dụng thuộc phạm vi quản lý; kịp thời báo cáo các công trình không đảm bảo an toàn cho việc vận hành, khai thác, sử dụng về Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Chế độ báo cáo về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; sở, ngành có dự án đầu tư xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình chất lượng công trình xây dựng theo mẫu của Bộ Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng mỗi năm 2 kỳ: kỳ 1 trước ngày 15 tháng 6 và kỳ 2 trước ngày 10 tháng 12 hàng năm ;

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội nếu có hành vi vi phạm pháp luật về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân có nhiều vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định không cho phép hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phó Thái Bình

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số 122/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND Thành phố)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm 200

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU
GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG HOÀN THÀNH, HOÀN THÀNH HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH HOẶC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình Thuộc dự án đầu tư nhóm.....

Hạng mục công trình.....

Địa điểm xây dựng

Thời gian kiểm tra

Bắt đầu	h 00 , ngày	tháng	năm 200
Kết thúc	h 00 , ngày	tháng	năm 200

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: *tên của cơ quan, đơn vị*

+ Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia

- Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*

+ Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia

- Đại diện nhà thầu thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*

+ Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia

- Đại diện Sở Xây dựng (hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Công thương) kiểm tra công tác nghiệm thu : *tên của cơ quan*

+ Ghi rõ họ và tên , chức vụ từng người tham gia

đã tiến hành những việc sau :

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựnghoặc hoàn thành của hạng mục công trình hoặc công trìnhđã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng / tổng thầu EPC .

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành , hạng mục công trình hoàn thànhhoặc công trình hoàn thành

Sau khi kiểm tra , xem xét và trao đổi , các bên tham gia đã có kết luận :

1. Hồ sơ trình để nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành
hạng mục công trình hoàn thànhhoặc công trình hoàn thành
..... đã lập đủ (hoặc chưa đủ) theo danh mục nêu tại phụ lục Q tại
TCXDVN 371:2006.

2. Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành
hạng mục công trình hoàn thànhhoặc công trình hoàn thành
..... có đầy đủ tính pháp lý theo quy định.

3. Các ý kiến nhận xét khác

- Nếu hồ sơ nghiệm thu chưa đủ thì yêu cầu chủ đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh nghiệm
thu (nêu cụ thể về hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng)

4. Hồ sơ nghiệm thu có trong danh mục kèm theo biên bản này đảm bảo đủ căn cứ để
Chủ đầu tư tiến hành việc nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoặc nghiệm
thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình

Đối với trường hợp hồ sơ nghiệm thu không đầy đủ thì ghi như sau: Sau khi bổ sung,
hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu theo các yêu cầu nêu ở mục 3, Chủ đầu tư tiến hành việc nghiệm
thu giai đoạn xây dựng hoặc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công
trình hoặc công trình

Ghi chú : kèm theo danh mục hồ sơ, tài liệu hoàn thành giai đoạn xây dựng, hoàn
thành hạng mục công trình, hoàn thành công trình được lập theo phụ lục Q tại TCXDVN
371:2006.

Đại diện Chủ đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện
Nhà thầu thi công xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện Sở Xây dựng
(hoặc Phòng QLĐT, hoặc Phòng Công Thương)
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Quyết định số ~~122~~/2009/QĐ-UBND ngày ~~22~~ ~~10~~ 2009 của UBND Thành phố)

Tên chủ đầu tư hoặc đại
diện được uỷ quyền của
chủ đầu tư

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN CÔNG

Công trình:

Địa điểm xây dựng

A. HỒ SƠ PHÁP LÝ

(Do chủ đầu tư tập hợp)

1. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án của cấp có thẩm quyền;
2. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
3. Văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền về việc cho phép sử dụng công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào:
 - Cấp điện;
 - Sử dụng nguồn nước;
 - Khai thác nước ngầm;
 - Khai thác khoáng sản, khai thác mỏ;
 - Thoát nước (đầu nối vào hệ thống nước thải chung);
 - Đường giao thông bộ, thủy;
 - An toàn của đê (công trình chui qua đê, gấn đê, trong phạm vi bảo vệ đê ...);
 - An toàn giao thông (nếu có).
4. Hợp đồng xây dựng (ghi số, ngày, tháng của hợp đồng) giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu tư vấn thực hiện khảo sát xây dựng, thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng chính, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (nếu có) cũng như hợp đồng giữa nhà thầu chính, tổng thầu (tư vấn, thi công xây dựng) và các nhà thầu phụ (tư vấn, thi công xây dựng);
5. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng kể cả các nhà thầu nước ngoài (thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng ...);
6. Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở của các cơ quan quản lý nhà nước kèm theo thiết kế cơ sở theo qui định;
7. Kết quả thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế theo qui định;
8. Phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập do chủ đập lập được Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý địa bàn bị ảnh hưởng ngập lụt phê duyệt.

B. TÀI LIỆU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

(Do nhà thầu thi công xây dựng lập)

1. Bản vẽ hoàn công các hạng mục và toàn bộ công trình về kiến trúc, kết cấu, lắp đặt thiết bị, hệ thống kỹ thuật công trình, hoàn thiện ... (có danh mục bản vẽ kèm theo);
2. Các chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng xác nhận chất lượng vật liệu sử dụng trong công trình để thi công các phần: san nền, gia cố nền, cọc, đài cọc, kết cấu ngầm và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện ...
3. Các phiếu kiểm tra xác nhận chất lượng vật liệu sử dụng trong công trình để thi công các phần: san nền, gia cố nền, cọc, đài cọc, kết cấu ngầm và kết cấu thân, cơ điện và hoàn thiện ... do một tổ chức chuyên môn hoặc một tổ chức khoa học có tư cách pháp nhân, năng lực và sử dụng phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện;
4. Chứng chỉ xác nhận chủng loại và chất lượng của các trang thiết bị phục vụ sản xuất và hệ thống kỹ thuật lắp đặt trong công trình như: cấp điện, cấp nước, cấp gaz ... do nơi sản xuất cấp;
5. Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng vật tư, thiết bị nhập khẩu sử dụng trong hạng mục công trình này của các tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân được nhà nước quy định;
6. Các tài liệu, biên bản nghiệm thu chất lượng các công tác xây dựng, lắp đặt thiết bị (có danh mục biên bản nghiệm thu công việc xây dựng kèm theo). Kèm theo mỗi biên bản là bản vẽ ghi lại công việc xây dựng được nghiệm thu (bản vẽ hoàn công công việc);
7. Các biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải, nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động có tải, báo cáo kết quả kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành thử thiết bị (không tải và có tải);
8. Biên bản thử và nghiệm thu các thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị bảo vệ;
9. Biên bản thử và nghiệm thu các thiết bị phòng cháy chữa cháy, nổ;
10. Biên bản kiểm định môi trường, môi sinh (đối với các công trình thuộc dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường);
11. Báo cáo kết quả các thí nghiệm hiện trường (gia cố nền, sức chịu tải của cọc móng; chất lượng bê tông cọc, lưu lượng giếng, điện trở của hệ thống chống sét cho công trình và cho thiết bị, kết cấu chịu lực, thử tải bể chứa, thử tải ống cấp nước-chất lỏng ...);
12. Báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng đường hàn của các mối nối: cọc, kết cấu kim loại, đường ống áp lực (dẫn hơi, chất lỏng), bể chứa bằng kim loại ...;
13. Các tài liệu đo đạc, quan trắc lún và biến dạng các hạng mục công trình, toàn bộ công trình và các công trình lân cận trong phạm vi lún ảnh hưởng trong quá trình xây dựng (độ lún, độ nghiêng, chuyển vị ngang, góc xoay...);
14. Nhật ký thi công xây dựng công trình;
15. Lý lịch thiết bị, máy móc lắp đặt trong công trình; hướng dẫn hoặc quy trình vận hành khai thác công trình; quy trình bảo hành và bảo trì thiết bị và công trình;
16. Văn bản (biên bản) nghiệm thu, chấp thuận hệ thống kỹ thuật, công nghệ đủ điều kiện sử dụng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về:
 - Chất lượng sản phẩm nước sinh hoạt;
 - Sử dụng các chất chống thấm thi công các hạng mục công trình cấp nước;
 - Phòng cháy chữa cháy, nổ;
 - Chống sét;
 - Bảo vệ môi trường;
 - An toàn lao động, an toàn vận hành;

- Thực hiện giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
- Chỉ giới đất xây dựng;
- Đầu nối với công trình kỹ thuật hạ tầng (cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông ...);
- An toàn đô thị (nếu có), an toàn giao thông (nếu có); an toàn đập;
- Thông tin liên lạc (nếu có);

17. Chứng chỉ sự phù hợp từng công việc (thiết kế, thi công xây dựng) của các hạng mục công trình, toàn bộ công trình do các tổ chức tư vấn kiểm định độc lập (kể cả các nhà thầu nước ngoài tham gia tư vấn, kiểm định, giám sát, đăng kiểm chất lượng) xem xét và cấp trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình và toàn bộ công trình;

18. Bản kê các thay đổi so với thiết kế (kỹ thuật, bản vẽ thi công) đã được phê duyệt;

19. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);

20. Báo cáo của tổ chức tư vấn kiểm định đối với những bộ phận, hạng mục công trình, hoặc công trình có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng trước khi chủ đầu tư nghiệm thu (nếu có);

21. Biên bản nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành;

22. Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình, nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng;

23. Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (nếu có).

....., ngày tháng năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Căn cứ vào quy mô công trình và giai đoạn nghiệm thu công trình để xác định danh mục hồ sơ, tài liệu trên cho phù hợp. Các giai đoạn xây dựng thường được chia như sau:

- Đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, các giai đoạn xây dựng bao gồm: San nền, gia cố nền- Cọc-Đài cọc-Dầm giằng móng và kết cấu ngầm-Kết cấu thân-Cơ điện và hoàn thiện.

- Đối với công trình Cấp-Thoát nước, các giai đoạn xây dựng bao gồm: Đào và chuẩn bị nền, Hố khoa tạo lỗ giếng (đối với giếng khai thác nước) - Kết cấu giếng-Đặt ống, thử tải từng đoạn ống trước khi lấp đất- Lắp đặt mạng ống nước thô, quản lý, phân phối, truyền dẫn- Thử tải toàn tuyến ống, xúc xả làm vệ sinh ống, thụt rửa giếng.

- Đối với công trình cầu, các giai đoạn xây dựng bao gồm: Móng, mô trụ-Dầm cầu-Hoàn thiện.

- Đối với công trình đường, các giai đoạn xây dựng bao gồm: Nền (các lớp nền)-Móng- Áo đường.

- Đối với công trình thủy lợi: việc phân chia các giai đoạn xây dựng tương tự như các loại công trình trên.

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Quyết định số 111/2009/QĐ-UBND ngày 22/11/2009 của UBND Thành phố)

UBND phường, xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN QUÝ ... NĂM 200..
(Định kỳ 3 tháng/lần vào ngày cuối của từng Quý trong năm , kể cả nhà ở riêng lẻ của dân tự xây dựng)

Kính gửi: UBND quận, huyện...

UBND phường, xã..... báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn như sau:

1. Công trình xây dựng khởi công:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng vốn đầu tư	Tên Chủ đầu tư/ Cấp Quyết định đầu tư	Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Tên nhà thầu thi công XD	Hình thức quản lý Dự án		Hình thức quản lý chất lượng CTXD		Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
						CĐT trực tiếp quản lý dự án (thành lập BQLDA)	CĐT thuê TVQLDA (tên tổ chức TV)	CĐT tự tổ chức GS	Thuê tổ chức TVGS (tên tổ chức TVGS)	
1										
...										

2. Sự cố công trình xây dựng:

tt	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên Chủ đầu tư	Tên nhà thầu Thi công xây dựng	Tên nhà thầu Tư vấn giám sát	Giờ/Ngày/tháng xảy ra sự cố	Mô tả tóm tắt sự cố/ Tình hình giải quyết hậu quả sự cố
1							
...							

3. Tình hình kiểm tra về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường theo Quy định của Thành phố:

tt	Tên công trình được kiểm tra/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên Chủ đầu tư	Thành phần Đoàn kiểm tra	Nội dung Kiểm tra	Kết quả kiểm tra
1						